

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-PT
Ngày 17 - 8- 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A (tên gọi khác A1), sinh năm 1995, (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1994, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà D, Luật sư của Văn phòng Luật sư D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà C, sinh năm 1955, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

4. *Người kháng cáo:* Anh B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị A (A1) và anh B tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 203 ngày 30/10/2015. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hòa hợp nên vợ chồng đã xảy ra cự cãi và chị A (A1) bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ tháng 11/2019. Chị A (A1) xin ly hôn với anh B và anh B cũng đồng ý ly hôn. Chị A (A1) và anh B chung sống có 01 con chung tên E, cháu gái sinh ngày 24/8/2016, hiện đang sống cùng với chị A (A1). Khi ly hôn chị A (A1) và anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Tài sản chung anh chị có 10 chỉ vàng 24k, hiện bà C là mẹ anh B đang quản lý (giữ hộ); anh chị không có nợ chung.

Theo chị A trình bày: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và anh B phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; yêu cầu chia đôi tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k.

Theo bị đơn anh B trình bày: Chị A (A1) không có nghề nghiệp ổn định và cháu E là cháu nội duy nhất của gia đình, nên anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị A (A1) cấp dưỡng nuôi con. Nếu phải giao con cho chị A (A1) trực tiếp nuôi, thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; đồng ý chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C trình bày: Hiện bà đang quản lý (giữ hộ) tài sản chung 10 chỉ vàng 24k của chị A (A1) và anh B, đồng ý giao trả lại tài sản 10 chỉ vàng 24k cho chị A (A1) và anh B.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 81, 82, Điều 83, Điều 59, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.
2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị A được nuôi cháu E.

Tiếp tục giao cháu E, sinh ngày 24/8/2016 (nữ) cho chị A nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu E, sinh ngày 24/8/2016 mỗi tháng là 745.000 đồng cho đến khi cháu E đủ 18 tuổi.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị A.

Chia cho chị A được hưởng 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%), chia cho anh B 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%).

Buộc bà C có trách nhiệm giao trả cho chị A 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%) và trả anh B 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%).

4. Về án phí:

4.1. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị A phải nộp số tiền là 300.000 đồng. Ghi nhận chị A đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002841 ngày 09/12/2019 sẽ được chuyển thu án phí toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4.2. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh B phải nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4.3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị A phải nộp số tiền 1.162.500 đồng. Ghi nhận chị đã dự nộp án phí số tiền 1.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002852, ngày 10/12/2019 được đối trừ buộc chị A phải nộp thêm số tiền 162.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Buộc anh B phải nộp số tiền 1.162.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về áp dụng Luật Thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, bị đơn anh B kháng cáo, yêu cầu cho anh B được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh B cho rằng: Anh B kháng cáo xin được trực tiếp nuôi con là có cơ sở, do anh B hiện kinh tế vừa làm ruộng, nuôi tôm và lái xe thuê có thu nhập bình quân 1 tháng 15.000.000 đồng, là điều kiện kinh tế đảm bảo và nuôi con tốt hơn chị A khai thu nhập bán quán nước giải khát 5.000.000 đồng 1 tháng, nhưng hiện nay có xác nhận quán thường đóng cửa. Mặt khác, cháu E từ nhỏ đã ở bên gia đình anh B và anh B tha thiết được trực tiếp nuôi con. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh B, sửa một phần bản án sơ thẩm xử cho anh B được trực tiếp nuôi con, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của

Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B, giữ nguyên Bản án số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị A (A1) và anh B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 203 ngày 30/10/2015, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống anh chị có con chung tên E, sinh ngày 24/8/2016, hiện do chị A (A1) đang trực tiếp nuôi.

[2] Anh B kháng cáo xin được trực tiếp nuôi con, do anh có điều kiện nuôi con tốt hơn chị A (A1) và anh là con trai duy nhất, nên cháu là cháu nội duy nhất của gia đình anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh B có cung cấp đơn có xác nhận của trưởng ấp, nội dung quán nước giải khát (cà phê vông V), chị A khai cùng kinh doanh thường đóng cửa không buôn bán, nhưng đơn không có xác nhận chữ ký trưởng ấp và chị A (A1) không thừa nhận quán thường đóng cửa.

[3] Xét thấy, chị A (A1) và anh B đều có nguyện vọng tha thiết được trực tiếp nuôi con. Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/12/2019 (bút lục 31) anh B xác định anh làm nghề tài xế, không thường xuyên ở nhà, do đặc thù công việc thường đi xa nhà. Hiện cháu E, sinh ngày 24/8/2016, là cháu gái, còn nhỏ và do chị A (A1) đang trực tiếp nuôi. Chị A (A1) có việc làm ổn định, có thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/tháng cũng là đủ điều kiện, đảm bảo trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu tốt.

[4] Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã giữ ổn định, tuyên giao cháu E, sinh ngày 24/8/2016 cho chị A (A1) được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin nuôi con của bị đơn anh B như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh B, mà cần chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên về thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và không tuyên áp dụng lãi suất trong giai đoạn thi hành án là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm cần tuyên bổ sung cho đầy đủ để đảm bảo thi hành án.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí phúc thẩm anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 81, 82, Điều 83, Điều 59, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A (A1) và anh B.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị A (A1) được trực tiếp nuôi cháu E.

Tiếp tục giao cháu E, sinh ngày 24/8/2016 (nữ) cho chị A (A1) nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu E, sinh ngày 24/8/2016 mỗi tháng là 745.000 đồng, (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu E đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/5/2020.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị A (A1). Chia cho chị A (A1) được hưởng 05 (năm) chỉ vàng 24k (loại vàng 98%), chia cho anh B 05 (năm) chỉ vàng 24k (loại vàng 98%).

Buộc bà C có trách nhiệm giao trả cho chị A (A1) 05 (năm) chỉ vàng 24k (loại vàng 98%) và trả cho anh B 05 (năm) chỉ vàng 24k (loại vàng 98%).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị A (A1) phải nộp 300.000 đồng. Ghi nhận chị A đã dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002841 ngày 09/12/2019 được chuyển thu án phí toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

5.2. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh B phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

5.3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị A (A1) phải nộp số tiền 1.162.500 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng). Ghi nhận chị đã dự nộp án phí số tiền 1.000.000 đồng theo Biên lai thu số

0002852, ngày 10/12/2019 sẽ được đối trừ toàn bộ và buộc chị A (A1) phải nộp thêm số tiền 162.500 đồng (Một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc anh B phải nộp số tiền 1.162.500 đồng, (Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

6. Án phí phúc thẩm buộc anh B phải nộp 300.000 đồng. Anh B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0003062 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện K;
- CCTHADS huyện K;
- UBND xã N, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương